

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
- BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **71** /2007/TTLT- BGDDT-BNV

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO BẾN TRE	
CÔNG VĂN	Số: 2385
ĐẾN	Ngày: 12/12/2007

Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ qui định về phân loại, xếp loại các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm tại Công văn số 3091/VPCP-KG ngày 09 tháng 6 năm 2006 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở địa phương;

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập bao gồm: cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong các nhà trẻ, trường mẫu giáo và trường mầm non công lập.

Định mức biên chế sự nghiệp trong văn bản này không bao gồm các chức danh hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

2. Biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, đặc điểm về công tác giáo dục và khả năng ngân sách của địa phương.

3. Việc xếp hạng nhà trẻ, trường mẫu giáo và trường mầm non công lập thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với nhà trẻ:

- Hạng I: từ 50 trẻ trở lên;
- Hạng II: dưới 50 trẻ.

b) Đối với trường mẫu giáo và trường mầm non:

Trường	Hạng I	Hạng II
- Ở trung du, đồng bằng, thành phố	9 nhóm, lớp trở lên	Dưới 9 nhóm, lớp
- Ở miền núi, vùng sâu, hải đảo	6 nhóm, lớp trở lên	Dưới 6 nhóm, lớp

Các hạng I và hạng II của nhà trẻ, trường mẫu giáo và trường mầm non quy định trên đây tương đương với các hạng chín, hạng mười quy định tại Điều 8 của Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập.

4. Số giờ giảng dạy trong một tuần của cán bộ quản lý và giáo viên ở các cơ sở giáo dục mầm non công lập được quy định như sau:

- a) Hiệu trưởng trực tiếp lên lớp 2 giờ trong một tuần;
- b) Phó hiệu trưởng trực tiếp lên lớp 4 giờ trong một tuần;
- c) Giáo viên dạy 8 giờ trong 1 ngày.

5. Nhân viên làm công tác văn phòng trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập ngoài việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo chức danh còn phải kiêm nhiệm các công việc khác của trường.

II. ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON CÔNG LẬP

1. Cán bộ quản lý

a) Mỗi cơ sở giáo dục mầm non công lập có hiệu trưởng và một số phó hiệu trưởng. Cụ thể:

- Nhà trẻ hạng I có từ 100 trẻ trở lên có một phó hiệu trưởng;
- Trường mẫu giáo, trường mầm non hạng I có hai phó hiệu trưởng;
- Trường mẫu giáo, trường mầm non hạng II có một phó hiệu trưởng.

b) Trường mẫu giáo, trường mầm non có 5 điểm trường trở lên được bố trí thêm một phó hiệu trưởng.

2. Giáo viên

a) Đối với nhóm trẻ: bình quân mỗi giáo viên nuôi dạy 8 trẻ. Nếu nhiều hơn 5 trẻ thì được bố trí thêm một giáo viên;

b) Đối với lớp mẫu giáo:

- Lớp không có trẻ bán trú: 1 giáo viên phụ trách một lớp có từ 20 đến 25 trẻ;
- Lớp có trẻ bán trú: 2 giáo viên phụ trách một lớp có từ 25 đến 30 trẻ;
- Lớp mẫu giáo nếu nhiều hơn 10 trẻ thì được bố trí thêm một giáo viên.

c) Đối với nữ giáo viên còn trong độ tuổi sinh con (chưa sinh từ 1 đến 2 con), số thời gian nghỉ thai sản được tính để bổ sung thêm quỹ lương để trả cho người trực tiếp dạy thay.

3. Nhân viên

a) Nhà trẻ, trường mẫu giáo và trường mầm non hạng I được bố trí: 1 kế toán, 1 cán bộ y tế học đường và 1 văn thư;

b) Nhà trẻ, trường mẫu giáo và trường mầm non hạng 2 được bố trí: 1 kế toán và 1 cán bộ y tế học đường;

c) Với địa bàn không có cơ sở dịch vụ cung ứng cho việc nấu ăn cho trẻ thì được thuê khoán người nấu ăn: 1 người phục vụ 50 trẻ mẫu giáo hoặc 35 trẻ nhà trẻ.

Các nhân viên trên ngoài việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo chức danh còn phải kiêm nhiệm các công việc khác do hiệu trưởng phân công như quy định tại khoản 5 mục I của Thông tư này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập tại Thông tư này và những quy định tại Thông tư số 89/2003/TT-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp, hàng năm báo cáo định kỳ việc thực hiện biên chế sự nghiệp.

3. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non có giáo dục hòa nhập cho trẻ tàn tật, khuyết tật thì số biên chế này được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bình quân mỗi giáo viên nhà trẻ nuôi dạy 6 trẻ; số trẻ trong lớp mẫu giáo được ít hơn 5 trẻ so với quy định chung.

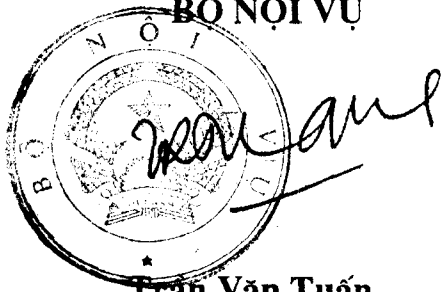
4. Kinh phí để thực hiện định mức biên chế quy định tại Thông tư này theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách của địa phương.

5. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập được vận dụng thực hiện theo Thông tư này.

6. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư số 03/CB-UB ngày 7/3/1980 của Ủy ban bảo vệ bà mẹ trẻ em Trung ương và Thông tư số 08/TTGD ngày 28/02/1986 của Bộ Giáo dục.

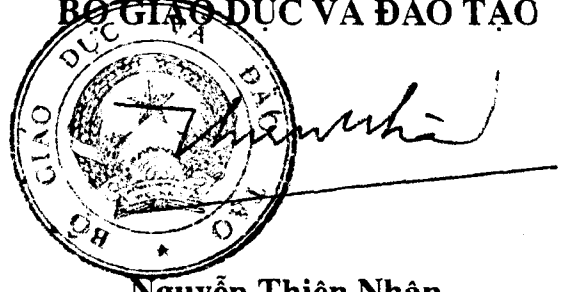
7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc thì phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ**



Trần Văn Tuấn

**BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**



Nguyễn Thiện Nhân

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Tuyên giáo Trung ương
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở GD&ĐT, Sở NV, Sở TC;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ, Website Bộ ;
- Công báo;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ TCCB, Cục NGCBQL (BGDĐT); VT,TCBC (BNV).

